Phụ lục
Chi phí thực hiện chính sách trong Luật Dân số
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BYT ngày / /2022 của Bộ Y tế)

I. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH: DUY TRÌ MỨC SINH THAY THẾ VÀ QUY ĐỊNH VỀ SỐ CON

1.1. Dự thảo Luật Dân số quy định

"e) Miễn phí gói dịch vụ cơ bản về tầm soát vô sinh thông qua bảo hiểm y tế cho người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và thân nhân của họ theo quy định của pháp luật về người có công; người dân sinh sống tại nơi bị nhiễm chất độc hóa học (da cam/dioxin); người lao động trong độ tuổi sinh đẻ làm nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản theo quy định của pháp luật về lao động;" (điểm e khoản 1 Điều 9 - Thực hiện các biện pháp điều chỉnh mức sinh trên phạm vi cả nước).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Chi phí gói dịch vụ cơ bản về tầm soát vô sinh (bao gồm khám, siêu âm, xét nghiệm tinh dịch đồ) khoảng 300.000 đồng/lần/gói cơ bản.

- Ước tính số người dân sinh sống tại nơi bị nhiễm chất độc hóa học (da cam/dioxin) khoảng 47.000 người; người lao động trong độ tuổi sinh đẻ tham gia các nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản khoảng 86.400 người.

- Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách:

(47.000 người x 300.000 đồng/lần) + (86.400 người x 300.000 đồng/lần) = 40,020 tỷ đồng

1.2. Dự thảo Luật Dân số quy định

"g) Hỗ trợ trẻ em được học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học công lập; thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo cho các đối tượng khác phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ;" (điểm g khoản 1 Điều 9 - Thực hiện các biện pháp điều chỉnh mức sinh trên phạm vi cả nước).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Cặp vợ chồng cam kết sinh đủ hai con được Nhà nước hỗ trợ cho con của họ học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học công lập: Quy định này không phát sinh chi phí thực hiện chính sách.

- Dự kiến số phụ nữ cam kết sinh đủ hai con được Nhà nước miễn học phí khi theo học trung học cơ sở công lập là 1.132.000 người.

- Dự kiến số học sinh là con của cặp vợ chồng cam kết sinh đủ hai con được Nhà nước miễn học phí khi theo học trung học cơ sở công lập là 1.132.000 người x 2 = 2.264.000 người.

- Dự kiến số kinh phí được Nhà nước miễn học phí cho cặp vợ chồng có con khi theo học trung học cơ sở công lập là: 300.000đ/tháng/con x 02 con x 9 tháng/năm học x 4 năm học = 21.600.000 đồng.

-> Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là:

1.132.000 trẻ x 21.600.000 đồng = 24.451,2 tỷ đồng

1.3. Dự thảo Luật Dân số quy định

"đ) Các cặp vợ chồng sinh đủ hai con có cam kết không sinh thêm con được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở;" (điểm h khoản 1 Điều 9 - Thực hiện các biện pháp điều chỉnh mức sinh trên phạm vi cả nước).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách:***

Nhà nước hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh đủ hai con có cam kết không sinh thêm con được xét mua nhà ở xã hội do doanh nghiệp nhà nước xây dựng; chi phí mua nhà do cặp vợ chồng chi trả. Vì vậy, thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về nhà ở, không phát sinh kinh phí bảo đảm thực hiện.

1.4. Dự thảo Luật Dân số quy định

"i) Phụ nữ là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo khi sinh đủ hai con cam kết không sinh thêm con được Nhà nước hỗ trợ theo quy định của Chính phủ; trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 11 Luật này." (điểm i khoản 1 Điều 9 - Thực hiện các biện pháp điều chỉnh mức sinh trên phạm vi cả nước).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Căn cứ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020, sử dụng mức lương tối thiểu vùng là 4.000.000 đồng (vùng II) làm căn cứ để hỗ trợ (gấp hai lần mức hỗ trợ của Nghị định 39/2015/NĐ-CP).

- Số phụ nữ thuộc diện đối tượng hỗ trợ dự kiến là: 198.000 người.

- Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là:

198.000 người x 3.700.000 đồng = 732,6 tỷ đồng

1.5. Dự thảo Luật Dân số quy định

"a) Nhà nước hỗ trợ một lần bằng tiền khi phụ nữ sinh con thứ hai (điểm a khoản 2 Điều 9 - Các biện pháp khuyến khích sinh đủ hai con tại tỉnh có mức sinh thấp).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Căn cứ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020, sử dụng mức lương tối thiểu vùng là 4.000.000 đồng (vùng II) làm căn cứ để hỗ trợ (gấp hai lần mức hỗ trợ của Nghị định 39/2015/NĐ-CP).

- Theo Quyết định số 2019/QĐ-BYT ngày 27/4/2021, vùng mức sinh thấp gồm 21 tỉnh, thành phố. Số phụ nữ trong tuổi sinh đẻ ước tính là 6.386.400 người. Dự kiến số phụ nữ sinh con thứ nhất là 2.264.000 người; số phụ nữ sinh con thứ hai là 3.222.000 người.

- Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là:

3.222.000 người x 4.000.000đ = 12.888,0 tỷ đồng

1.6. Dự thảo Luật Dân số quy định

"a) Miễn phí dịch vụ sử dụng các biện pháp tránh thai đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con;" (điểm a khoản 3 Điều 9 - Các biện pháp đối với tỉnh, thành phố thuộc vùng mức sinh cao)

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

Ước tính nhu cầu kinh phí mua PTTT miễn phí 2021-2025 cho 33 tỉnh mức sinh cao

ĐVT: Tỷ đồng

	DCTC	Thuốc cấy	Thuốc tiêm	Viên uống LTKH	Viên uống đơn thuần	Bao cao su	Tổng cộng
2021	5,338	5,836	16,397	45,806	6,044	43,826	123,247
2022	5,592	6,114	17,178	47,987	6,332	45,913	129,116
2023	5,846	6,392	17,958	50,168	6,620	48,000	134,984
2024	6,101	6,670	18,739	52,350	6,908	50,087	140,855
2025	6,355	6,948	19,520	54,531	7,196	52,174	146,724
Tổng	29,232	31,960	89,792	250,842	33,100	240,000	674,926
Trung bình	5,846	6,392	17,958	50,168	6,620		134,985

- Dự kiến kinh phí chi trả kỹ thuật dịch vụ và thuốc thiết yếu vật tư tiêu hao cho 33 tỉnh mức sinh cao là:

ĐVT: tỷ đồng

	Triệt sản nam	Triệt sản nữ	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy	Thuốc tiêm	Tổng
Giá DV theo TT 13, TT 14	1,274,000	2,860,000	222,000	214,000	45,600	
2021	127	28,600	108,229	4,575	6,864	
2022	127	28,600	113,383	4,793	7,191	
2023	127	28,600	118,537	5,011	7,518	
2024	127	28,600	123,690	5,228	7,845	
2025	127	28,600	128,844	5,446	8,172	
Tổng	635	143,000	592,683	25,053	37,590	798,961
Tính trung bình một năm						**159,792.20**

-> Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách:

134,985 triệu đồng (kinh phí mua PTTT) + 159,792 triệu đồng (chi phí dịch vụ) = 294,777 tỷ đồng/năm.

1.7. Dự thảo Luật Dân số quy định

"c) Hỗ trợ người cung cấp dịch vụ kỹ thuật tránh thai từ tuyến trên xuống tuyến dưới tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; cộng tác viên dân số, người vận động các cặp vợ chồng thực hiện biện pháp tránh thai lâm sàng;" (điểm b khoản 3 Điều 9 - Các biện pháp đối với tỉnh, thành phố thuộc vùng mức sinh cao).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Dự kiến chi phí hỗ trợ cho một xã để cung cấp dịch vụ kỹ thuật tránh thai từ tuyến trên xuống tuyến dưới tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

1.000.000đ/xã/lần thực hiện chiến dịch/năm x 2.756 xã = 2.756.000.000 đồng

- Dự kiến kinh phí chi cộng tác viên dân số, người vận động các cặp vợ chồng thực hiện biện pháp tránh thai lâm sàng

50.000đ/ca đặt dụng cụ tử cung x 533.950/người/năm = 26.697.500.000 đồng

-> Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách:

2,756 tỷ đồng + 26,697 tỷ đồng = 29,453 tỷ đồng

1.8. Dự thảo Luật Dân số quy định

"d) Nhà nước hỗ trợ một lần bằng tiền cho mỗi lần sinh đối với phụ nữ người dân tộc thiểu số rất ít người khi sinh con theo quy định của Chính phủ; (điểm d khoản 4 Điều 11 - Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số rất ít người (dưới 10.000 người).

"đ) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ đi lại, lưu trú, chuyển tuyến khi thực hiện dịch vụ khám thai và sinh con tại cơ sở y tế công lập;" (điểm d khoản 4 Điều 11 - Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số rất ít người (dưới 10.000 người).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 của Tổng cục Thống kê, cả nước có 15 dân tộc thiểu số ít người với tổng số 57.169 người; trong đó dân tộc dưới 5.000 người có 11 dân tộc và 24.494 người.

- Ước tính số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ người dân tộc thiểu số từ 5.000 đến dưới 10.000 người là: 15.000 người; Ước tính số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ người dân tộc thiểu số dưới 5.000 người là: 6.500 người

- Căn cứ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020, sử dụng mức lương tối thiểu vùng là 4.000.000 đồng (vùng II) làm căn cứ để hỗ trợ (gấp hai lần mức hỗ trợ của Nghị định 39/2015/NĐ-CP).

-> Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là:

(15.000 người x 4.000.000 đồng x 03 lần sinh x 2 (hệ số 2)) + (6.500 người x 4.000.000 tỷ đồng x 03 lần sinh x 3 (hệ số 3)) = 594 tỷ đồng

II. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH: PHÁ THAI AN TOÀN

2.1. Dự thảo Luật Dân số quy định

- Ngoài việc tiếp tục thực hiện một số quy định như pháp luật hiện hành, đó là "*Phụ nữ có quyền phá thai theo nguyện vọng, trừ trường hợp phá thai vì lý do lựa chọn giới tính hoặc phá thai gây hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe của người được phá thai*", Luật Dân số bổ sung các quy định: nghiêm cấm "*Loại bỏ thai nhi vì lý do giới tính dưới mọi hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*" (điểm d khoản 2 Điều 7); nghiêm cấm "*phá thai vì giới tính của thai nhi*" (điểm đ khoản 2 Điều 7); nghiêm cấm "Thực hiện phá thai trái quy định của Luật này và các luật khác có liên quan" (khoản 7 Điều 7); đồng thời siết chặt việc quản lý dịch vụ phá thai tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm:

"b) Phá thai bằng thủ thuật, phá thai nội khoa bằng thuốc chỉ được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện hoạt động, có cung cấp dịch vụ

phá thai theo chỉ định của bác sỹ chuyên khoa;

c) Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự mà phá thai thì phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện;

d) Người được phá thai có trách nhiệm tuân thủ đúng hướng dẫn về chuyên môn y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cung cấp dịch vụ phá thai;

c) Lưu hồ sơ và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý có thẩm quyền khi thực hiện dịch vụ phá thai tại cơ sở cung cấp dịch vụ phá thai." (khoản 3 Điều 15).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

Nội dung chính sách cơ bản là việc siết chặt quản lý dịch vụ phá thai tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Chi phí liên quan đến phá thai dựa trên các quy định và thủ tục hiện hành đối với một ca khám chữa bệnh do người thực hiện chi trả. Vì vậy, không phát sinh chi phí khi thực hiện chính sách này.

III. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH: KHỐNG CHẾ TỐC ĐỘ GIA TĂNG TỶ SỐ GIỚI TÍNH KHI SINH, GIẢM THIỂU MẤT CÂN BẰNG GIỚI TÍNH KHI SINH

3.1. Dự thảo Luật Dân số quy định

Thực hiện các quy định pháp luật hiện hành về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và phân biệt đối xử giới dưới mọi hình thức. Ngoài ra, tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp như sau:

"Điều 21. Biện pháp ngăn chặn việc lựa chọn giới tính thai nhi bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên

1. Tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của từng cá nhân và cộng đồng về không lựa chọn giới tính thai nhi.

2. Đưa các nội dung về xóa bỏ phân biệt, định kiến giới, trọng nam hơn nữ, kỳ thị con gái hoặc con trai và các nội dung liên quan vào hương ước, quy ước; chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Lồng ghép việc hỗ trợ nâng cao vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

4. Quy định trách nhiệm cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về dân số thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức được quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 7 của Luật Dân số.

6. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi phân biệt đối xử về giới liên quan đến đăng ký đất đai, bạo lực giới, hôn nhân, thừa kế.

7. Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật."

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách:***

Nội dung chính sách dựa trên các biện pháp đang được thực hiện như: tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục; đưa nội dung vào hương ước, quy ước; chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; lồng ghép việc hỗ trợ nâng cao vai trò của phụ nữ và trẻ em gái; quy định trách nhiệm cá nhân, tổ chức; thanh tra, kiểm tra. Vì vậy, không phát sinh chi phí khi thực hiện chính sách này.

IV. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH: TƯ VẤN KHÁM SỨC KHỎE TIỀN HÔN NHÂN *(tư vấn, khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn)*

4.1. Dự thảo Luật Dân số quy định

"4. Miễn phí gói dịch vụ cơ bản về tư vấn, khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn thông qua bảo hiểm y tế." (khoản 4 Điều 31)

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp[1], tính trung bình 03 năm 2019-2021, số cặp đăng ký kết hôn là 626.401 cặp, tức khoảng 1,3 triệu người đăng ký kết hôn[2].

- Chi phí 1 ca tư vấn (15.000 đồng) và khám sức khoẻ (280.000 đồng), tổng cộng là 295.000 đồng (theo gói khám sức khoẻ cơ bản).

- Để thực hiện chỉ tiêu 90% nam, nữ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe cho trước khi kết hôn, mỗi năm Nhà nước cần bỏ ra khoản kinh phí để miễn phí gói dịch vụ cơ bản về tư vấn, khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn là:

1.300.000 người x 295.000 đồng x 0,9 = 335,150 tỷ đồng

V. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH: TẦM SOÁT BỆNH, TẬT BẨM SINH ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ

5.1. Dự thảo Luật Dân số quy định

"4. Miễn phí gói dịch vụ cơ bản về tầm soát, chẩn đoán bệnh tật trước sinh và sơ sinh cho bà mẹ mang thai và trẻ sơ sinh thông qua bảo hiểm y tế." (khoản 4 Điều 32).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

---

[1] Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2022.

[2] Từ năm 2000 đến năm 2011 số lượng kết hôn: 7.732.685 trường hợp, tính bình quân mỗi năm có khoảng 65 vạn cặp, tức khoảng 1,3 triệu người đăng ký kết hôn.

Theo số liệu Tổng cục Thống kê, tổng số trẻ sinh ra năm 2020 là 1,45 triệu trẻ. Với số liệu này đồng nghĩa với việc mỗi năm:

- Thực hiện tầm soát, chẩn đoán bệnh tật trước sinh cho bà mẹ mang thai với mục tiêu 70% thì số ca cần thực hiện là:

1.450.000 người x 0,70 = 1.015.000 ca

- Thực hiện tầm soát, chẩn đoán bệnh tật sơ sinh cho trẻ sơ sinh với mục tiêu 90% thì số ca cần thực hiện là:

1.450.000 người x 0,90 = 1.305.000 ca

- Chi phí gói dịch vụ cơ bản về tầm soát, chẩn đoán bệnh tật trước sinh là 700.000 đồng/ca. Chi phí gói dịch vụ cơ bản về tầm soát, chẩn đoán bệnh tật sơ sinh là 500.000 đồng/ca

->Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là:

(1.015.000 ca x 700.000 đ) + (1.305.000 ca x 500.000đ/ca) = 1.363 tỷ đồng

VI. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH: LỒNG GHÉP BIẾN DÂN SỐ TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

6.1. Dự thảo Luật Dân số quy định

(1) Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội (Điều 39).

(2) Nội dung các yếu tố dân số để thực hiện lồng ghép (Điều 40).

(3) Đối tượng phải thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số (Điều 41).

(4) Quy trình thực hiện lồng ghép (Điều 42).

(5) Thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép (Điều 43).

(6) Báo cáo và trách nhiệm thực hiện lồng ghép (Điều 44).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

Để thực hiện chính sách sẽ phát sinh chi phí đào tạo, tập huấn, xây dựng tài liệu, hỗ trợ kỹ thuật, kiểm tra, giám sát … khi thực hiện lồng ghép. Dự kiến kinh phí triển khai chính sách là:

- Tại trung ương: dự kiến 3 tỷ/năm = 15,0 tỷ đồng

- Tại địa phương: dự kiến 1 tỷ/năm x 63 tỉnh = 63,0 tỷ đồng

Tổng chi phí thực hiện chính sách/năm: = 78,0 tỷ đồng

VII. THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC VỀ DÂN SỐ

7.1. Dự thảo Luật Dân số quy định

"5. ...; hỗ trợ người cung cấp dịch vụ thân thiện về kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản cho người chưa thành niên." (khoản 4 Điều 17).

**** Kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách***

- Ước tính số người chưa thành niên từ 10 đến dưới 18 tuổi là: 12.496.000 người, trong đó số người 15 đến dưới 18 tuổi là 5.276.000 người. Theo Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020-2025 (ban hành theo Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2020), đạt mục tiêu ít nhất 50% thanh niên lứa tuổi 15-24 có hành vi tình dục an toàn. Dự kiến có 2.638.000 người 15 đến dưới 18 tuổi sử dụng dịch vụ thân thiện về kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản cho người chưa thành niên.

- Chi phí hỗ trợ người cung cấp dịch vụ tính theo mức chi cho trường hợp tư vấn trước khi kết hôn là 15.000 đồng

-> Dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là:

2.638.000 người x 15.000 đồng = 39,57 tỷ đồng

Hoặc dự kiến kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là:

1.000.000đ/xã/lần thực hiện chiến dịch/năm x 10.614 xã = 10,614 đồng

7.2. Việc thực hiện các chính sách khác về dân số theo quy định của chính sách, pháp luật hiện hành.